

Bản án số: 217/2025/DS - PT

Ngày: 23/5/2025

*V/v: “Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu;
yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Thi

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Thông

Bà Phan Thị Vân Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 74/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc *“Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2024/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng nghị và kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1228/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên: Ông **Phạm Văn T.** Có mặt

2. Bị đơn

- Vợ chồng ông **Trương Công H**, sinh năm 1976 và bà **Đỗ Thị Bích T1**, sinh năm 1984; địa chỉ: **Số A đường L, phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên.**

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Trần Hải L**, sinh năm 1980; địa chỉ: **số G N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên.** Có mặt

- Ông **Trương Công H1** (chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

+ Bà **Trương Thị M**, sinh năm 1954, địa chỉ: **khu phố L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên** (vợ). Xin xét xử vắng mặt

+ Ông **Trương Công H2**, sinh năm 1972; địa chỉ: **khu phố L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên** (con). Xin xét xử vắng mặt

+ Ông **Trương Công H3**, sinh năm 1975, địa chỉ: **khu phố L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên** (con). Xin xét xử vắng mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Hà Thị Nguyên T2**, sinh năm 1966; địa chỉ: **thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên**. Xin xét xử vắng mặt

- Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

- Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Xin xét xử vắng mặt

Do có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 08/QĐ-VKS-DS ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên và đơn kháng cáo của nguyên đơn Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên là ông **Phạm Văn T** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Hà Thị Nguyên T2**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 18/8/2022, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa Nguyên đơn trình bày:

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, thụ lý thi hành Bản án số 59/2021/DSST ngày 14/6/2021 của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên và ra Quyết định Thi hành án theo đơn yêu cầu số 04/QĐ-CCTHADS ngày 01 tháng 10 năm 2021. Khoản phải thi hành:

Buộc vợ chồng ông **Trương Công H** và bà **Đỗ Thị Bích T1** phải trả cho bà **Hà Thị Nguyên T2** 6.293.087.500 đồng (Sáu tỷ hai trăm chín mươi ba triệu không trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Trong đó nợ gốc là 6.095.000.000 đồng và tiền lãi là 198.087.500 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà **Hà Thị Nguyên T2** có đơn yêu cầu thi hành án nếu vợ chồng ông **Trương Công H** và bà **Đỗ Thị Bích T1** chậm thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Cho đến nay vợ chồng ông **Trương Công H** và bà **Đỗ Thị Bích T1** chưa thi hành các khoản nêu trên cho bà **Hà Thị Nguyên T2**.

Theo Công văn số 2197/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 12/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ về việc phối hợp cung cấp thông tin tài liệu: Ông **Trương Công H1**, địa chỉ thường trú tại: **Khu phố L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên** nhận tặng cho quyền sử dụng đất từ ông **Trương Công H**, các thửa đất gồm: thửa đất số 209, tờ bản đồ số 04, diện tích 34.015,0 m²; thửa số 211, tờ bản đồ số 04, diện tích 77.924,0m² và thửa số 212, tờ bản đồ số 04, diện tích 22.441,0m² (sau đây gọi tắt là các thửa đất số 209; 211 và 212); Hợp đồng tặng cho đã được UBND xã S chứng thực số 31, quyền số 01/2015-SCT/HĐ, GD ngày 02/7/2021. Đến ngày 26/7/2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đã thực hiện đăng ký vào sổ địa chính, chính thức xác nhận thực hiện Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông **Trương Công H1**.

Xét thấy thời điểm thực hiện việc đăng ký vào sổ địa chính để xác nhận các Hợp đồng tặng cho là ngày 26/7/2021, như vậy việc thực hiện giao dịch dân sự được thực hiện sau khi bản án đã có hiệu lực pháp luật; là hành vi nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án sau khi Bản án của Toà án đã có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Khoản 2 Điều 75 của Luật Thi hành án dân sự; được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và Khoản 11 Điều 1 Nghị định 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính Phủ; Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xem xét: tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 209; 211 và 212, giữa ông **Trương Công H** với ông **Trương Công H1**, được Chủ tịch UBND xã **X** chứng thực ngày 02/7/2021 vô hiệu; huỷ các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đứng tên ông **Trương Công H1** đối với thửa đất nói trên, do ông **Trương Công H** thực hiện việc tặng cho.

*Theo Đơn trình bày ý kiến ngày 29/7/2024, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa Bị đơn ông **Trương Công H** trình bày:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chi cục Thi hành án thành phố Tuy Hòa vì đây là đất của cha, mẹ của ông **H** giao cho vợ chồng ông **H** kèm theo điều kiện là chăm sóc, nuôi dưỡng cha, mẹ và thờ phụng cha mẹ sau này. Vì vợ chồng ông **H** không thể thực hiện được trách nhiệm được giao nên đồng ý trả lại cho cha, mẹ.

- Đối với cây trồng trên đất: là của cha, mẹ ông **H** và anh **Trương Công H2** trồng, quản lý, khai thác, không phải của vợ chồng ông **H**.

*Theo Đơn trình bày ý kiến ngày 29/7/2024, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Trương Thị M** trình bày:*

- Tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chi cục Thi hành án thành phố Tuy Hòa vì đây là đất của vợ chồng bà cho con trai là **Trương Công H** kèm theo trách nhiệm là chăm sóc, nuôi dưỡng cha, mẹ và thờ phụng cha mẹ sau này. Vì vợ chồng ông **H** không thể thực hiện được trách nhiệm được giao nên đồng ý trả lại cho cha, mẹ.

- Đối với cây trồng trên đất: Toàn bộ cây trồng trên đất là của vợ chồng bà và con trai **Trương Công H2** trồng trọt, quản lý, không phải của vợ chồng ông **Trương Công H**.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông **Trương Công H2**, **Trương Công H3** vắng mặt; tại Đơn trình bày ngày 29/7/2024, ông **H2** và ông **H3** có ý kiến:*

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chi cục Thi hành án thành phố Tuy Hòa vì đây là đất của cha mẹ cho con trai là **Trương Công H** kèm theo trách nhiệm là chăm sóc, nuôi dưỡng cha, mẹ và thờ phụng cha mẹ sau này. Vì vợ chồng ông **H** không thể thực hiện được trách nhiệm được giao nên đã giao trả lại cho cha, mẹ.

- Đối với cây trồng trên đất: Toàn bộ cây trồng trên đất là của cha mẹ ông và của anh **Trương Công H2** trồng trọt, không phải của vợ chồng ông **Trương Công H**.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2024/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Căn cứ Điều 166, 167, 168, 169 Luật Đất đai năm 2013; Điều 116, 117, 123, 457, 459, 462 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 157, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 11; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc: Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 02/7/2021, giữa ông **Trương Công H** và ông **Trương Công H1** vô hiệu.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc: Hủy các GCNQSDĐ số BC 854087 ngày 10/12/2010; GCNQSDĐ số BC 854088 ngày 10/12/2010 và GCNQSDĐ số BC 854089 ngày 10/12/2010, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện S chỉnh lý biến động sang tên ông **Trương Công H1** vào ngày 26/7/2021.

[3] Về chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn phải chịu 26.406.000đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn đồng) chi phí tố tụng, nguyên đơn đã nộp đủ.

[4] Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/9/2024 và ngày 11/9/2024, nguyên đơn Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên là ông **Phạm Văn T** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Hà Thị Nguyên T2** có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo của ông **T** và bà **T2** có nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Văn T**.

Ngày 18/9/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 08/QĐ-VKS-DS đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Văn T**, Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông **Phạm Văn T**, giữ nguyên kháng cáo; bà **Hà Thị Nguyên T2** xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên kháng cáo; Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông **Phạm Văn T**, bà **Hà Thị Nguyên T2** và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Văn T**, Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết

vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, xem xét kháng cáo của người kháng cáo bà [Hà Thị Nguyên T2](#), ông [Phạm Văn T](#) và kháng nghị của Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền, đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 75 Luật Thi hành án dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 34, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kháng cáo của bà [T2](#), ông [T](#) và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên là hợp lệ, trong thời hạn pháp luật quy định, do vậy Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xem xét nguồn gốc các thửa đất số 209; 211 và 212, nhận thấy, nguyên trước tháng 8/2016, các thửa đất nêu trên là của vợ chồng ông [H1](#), bà [M](#), ngày 24/8/2016 vợ chồng ông [H1](#), bà [M](#) làm hợp đồng tặng cho các thửa đất 209; 201 và 212 cho con trai là [Trương Công H](#), được Chi nhánh [Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ](#) chỉnh lý biến động sang tên ông [H](#) trên các GCNQSDĐ, tại Biên bản họp gia đình ngày 15/04/2016 của gia đình vợ chồng ông [H1](#), bà [M](#) và các con của ông [H1](#), bà [M](#) có ghi nhận điều kiện tặng cho các thửa đất nêu trên là vợ chồng ông [H](#) phải có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cha, mẹ và thờ phụng cha mẹ sau này. Do không đảm bảo điều kiện của việc nhận tài sản nên ngày 02/7/2021 ông [H](#) đã lập Hợp đồng tặng cho lại vợ chồng ông [H1](#), xét về bản chất là ông [H](#) giao trả lại quyền sử dụng các thửa đất số 209; 211 và 212 mà trước đó năm 2016 ông [H1](#), bà [M](#) đã tặng cho ông [H](#), do không thực hiện được điều kiện tặng cho mà vợ chồng ông [H1](#) và các anh em của ông [H](#) đã đưa ra.

[2.2] Xem xét quá trình giao dịch vay mượn tiền giữa ông [Trương Công H](#) với bà [Hà Thị Nguyên T2](#), sau đó phát sinh tranh chấp và được Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên giải quyết tại Bản án số 59/2021/DSST ngày 14/6/2021, Bản án có hiệu lực pháp luật, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà ra Quyết định Thi hành án theo đơn yêu cầu số 04/QĐ-CCTHADS ngày 01 tháng 10 năm 2021. Xét thấy, ông [H](#) không dùng tài sản là các thửa đất số 209; 211 và 212 để thế chấp hoặc đảm bảo cho việc giao dịch vay mượn tiền của bà [T2](#), trong quá trình tranh chấp tại Tòa án [thành phố T](#), không kê biên các thửa đất nêu trên để đảm bảo thi hành án cho bà [T2](#), thời điểm bà [T2](#) yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà ra Quyết định Thi hành án số 04/QĐ-CCTHADS ngày 01 tháng 10 năm 2021 là sau thời điểm ông [H](#) lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với ông [Trương Công H1](#).

[2.3] Xem xét Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 02/7/2021, đối với các thửa đất số 209; 211 và 212, giữa ông [Trương Công H](#) và ông [Trương Công H1](#) đã được [UBND xã S](#) chứng thực số 31, quyền số 01/2015-SCT/HĐ, GD ngày 02/7/2021 là đúng về hình thức và nội dung theo quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đã được Chi nhánh [Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ](#) đã thực hiện đăng ký vào sổ địa chính ngày 26/7/2021 chỉnh lý biến động vào sổ địa chính sang tên ông [H1](#) vào ngày 26/7/2021 nên Hợp đồng tặng

cho đã có hiệu lực, tài sản đã được xác lập quyền sử dụng đối với ông **Trương Công H1** là phù hợp pháp luật dân sự, làm phát sinh quyền nghĩa vụ của các bên liên quan khác, không có cơ sở xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông **H** với ông **H1** là vô hiệu để huỷ các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đứng tên ông **Trương Công H1** đối với thửa đất nói trên.

[2.4] Xem xét tài sản, cây cối trên các thửa đất số 209; 211 và 212, xét thấy nguồn gốc các thửa đất nông nghiệp được cấp Giấy chứng nhận là cho “Hộ” gia đình ông **H1**, bà **M**, nên có các thành viên khác trong gia đình tham gia canh tác, sử dụng đất, có nhiều tài sản, cây trồng của thành viên khác trên các thửa đất, theo các đương sự trình bày, cây trồng trên đất là của vợ chồng bà **M** và con trai **Trương Công H2** trồng trọt, quản lý, không phải của vợ chồng ông **Trương Công H**.

Từ những phân tích, Hội đồng xét xử xét thấy nguồn gốc các thửa đất số 209; 211 và 212 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho “Hộ” gia đình ông **H1**, tuy năm 2016, ông **H1**, bà **M** tặng cho ông **H** nhưng do ông **H** không đáp ứng điều kiện tặng cho nên đã lập thủ tục tặng cho lại ông **H1**, bà **M**, thực chất là hoàn trả lại tài sản, việc chuyển dịch tài sản là các thửa đất đều tuân thủ pháp luật, trong quá trình giao dịch vay mượn tiền của bà **T2**, cũng như quá trình giải quyết vụ án của Tòa án **Tuy H4** và việc thi hành Bản án, ông **H** không sử dụng tài sản là các thửa đất nói trên để thế chấp hay đảm bảo cho giao dịch với bà **T2**, do vậy không có cơ sở xác định ông **H** có hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án như nguyên đơn khởi kiện. Tại Bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên ông **Phạm Văn T** là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xem xét kháng cáo về chi phí tố tụng của ông **Phạm Văn T**, Hội đồng xét xử, xét thấy: Theo quy định tại các Điều 157; Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đương sự phải chịu chi phí tố tụng nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phạm Văn T** không được chấp nhận, nên ông **T** phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo đối với khoản chi phí tố tụng mà ông **T** phải chịu tại Bản án sơ thẩm.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông **Phạm Văn T**, bà **Hà Thị Nguyên T2** và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí sơ thẩm: Không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí phúc thẩm: bà **Hà Thị Nguyên T2** phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông **Phạm Văn T**, bà **Hà Thị Nguyên T2** và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, giữ

nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2024/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Căn cứ Điều 166, 167, 168, 169 Luật Đất đai năm 2013; Điều 116, 117, 123, 457, 459, 462 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 157, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 11; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

Xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc: Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 02/7/2021, giữa ông **Trương Công H** và ông **Trương Công H1** vô hiệu.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc: Hủy các GCNQSDĐ số BC 854087 ngày 10/12/2010; GCNQSDĐ số BC 854088 ngày 10/12/2010 và GCNQSDĐ số BC 854089 ngày 10/12/2010, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện S chính lý biến động sang tên ông **Trương Công H1** vào ngày 26/7/2021.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 1, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà **Hà Thị Nguyên T2** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006905 ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Công Thi